TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2016/LĐ-PT

Ngày: 18/8/2016

V/v "Tranh chấp đòi tiền trợ cấp mất việc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Ông **Thái Rết**;
- *Các thẩm phán*: **1/** Ông **Huỳnh Đức Khải;**
2/ Bà **Trương Tố Hương.**
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông **Nguyễn Trường Sơn** – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng*: Ông **Huỳnh Minh Liêm** - Kiểm sát viên Trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2016 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 03/2016/TLPT-LĐ ngày 08 tháng 04 năm 2016, về việc*"Tranh chấp đòi tiền trợ cấp mất việc"*.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 06/2016/LĐ-ST ngày 07 tháng 02 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 023/2016/QĐ-PT ngày 11 tháng 05 năm 2016, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, Sinh năm 1967; Địa chỉ: đường Lê Hồng P, khóm A, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1958; Địa chỉ: đường Hùng V, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2015). (có mặt)

Bị đơn: **Công ty Cổ phần M**; Địa chỉ: đường Phạm H, khóm C, phường D, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1969; Chức vụ: Trợ lý Ban Tổng giám đốc (theo văn bản ủy quyền ngày 12/01/2016). (có mặt)

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh T là nguyên đơn.

NHẬN THẤY:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên Công ty Cổ phần M (sau đây gọi Công ty) trước đây là Nhà máy Đ Sóc Trăng, Công ty M Sóc Trăng là doanh nghiệp Nhà nước. Theo Quyết định số

351/QĐ.HC.05 ngày 08/04/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng chuyển Công ty M thành Công ty Cổ phần M, nhưng trên thực tế đến cuối năm 2007 sang đầu năm 2008 mới chính thức chuyển đổi và hoạt động từ ngày 01/01/2009.

Khi chuyển sang Công ty cổ phần và đi vào hoạt động thì Công ty chưa xây dựng được hệ thống thang, bảng lương riêng. Ngày 21/06/2010 Công ty có Công văn số 64/CV-TCNS V/v áp dụng thang, bảng lương gửi Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng, ngày 29/06/2010 Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng có văn bản số 291/SLĐTBXH-LĐVL V/v áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty Nhà nước cho phép Công ty áp dụng hệ thống thang, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các Công ty Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ để trả cho người lao động đang làm việc trong Công ty. Ngày 05/01/2015 Công ty ban hành Thông báo số 01/TB-TCHC.2015 v/v thực hiện mức lương tối thiểu vùng, theo đó kể từ tháng 01/2015 áp dụng mức lương tối thiểu vùng (theo Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 11/11/2014, lao đông chưa qua đào tạo làm công việc giản đơn 2.400.000đ và đã qua học nghề 2.568.000đ) để trả cho người lao động làm việc trong đơn vị và trên thực tế trước và sau ban hành thông báo này Công ty đã áp dụng mức lương tối thiểu vùng (hệ số x mức lương tối thiểu vùng) để chi trả trợ cấp thôi việc cho một số người lao động xin thôi việc.

Ngày 02/06/2015 Công ty xây dựng Đề án tái cơ cấu tổ chức, ngày 25/07/2015 Công ty ban hành Thông báo số 44/TB-TCHC.2015 V/v thực hiện đề án tái cơ cấu, phải mất việc làm cho 20 người lao động (có ông T) và giải quyết chế độ mất việc làm cho người lao động kể từ ngày 01/08/2015. Đồng thời, ngày 31/07/2015 Công ty ban hành Quyết định số 56/QĐ-TCHC.2015 Về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với CB.CNV (Nguyễn Thanh T) và ngày 05/8/2015 Công ty ban hành Giấy trợ cấp mất việc số 11/TCMV-TCHC đối với ông T và giao cho ông nhận cùng ngày. Theo đó, Công ty tính thời gian trợ cấp mất việc 13 năm (từ 03/1996 đến 31/12/2008), số tiền trợ cấp 52.474.500đồng {bình quân 6 tháng **4.036.500đ** (3,51 x 1.150.000đ x 6 : 6) x 13}.

* *Ngày 28/08/2015, ông Nguyễn Thanh T khởi kiện và trình bày:* Trước đây ông công tác tại Xí nghiệp X thị xã Sóc Trăng từ tháng 02/1988 cho đến tháng 3/1996 ông được điều động về Nhà máy đường (nay là Công ty Cổ phần M), cho đến ngày 01/01/1998 mới ký kết Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, theo hợp đồng Mức lương chính hoặc tiền công: áp dụng Bảng lương CMNV, ngạch cán sự, bậc 5/12, hệ số 1,94 theo chế độ tiền lương hiện hành và theo quy chế tiền lương của Công ty (Tổ trưởng) + được hưởng phụ cấp (nếu có) và ông T đã làm việc cho đến ngày 01/08/2015, ông T đã nhận đủ tiền lương và tiền phép năm đến hết tháng 07/2015.

Theo ông Nguyễn Thanh T, Công ty chấm dứt dợp đồng lao động mà không báo trước cho ông 45 ngày (từ ngày 01/8/2015 đến ngày 23/9/2015) là vi phạm thời hạn báo trước theo quy định của pháp luật Lao động; ông đã làm việc cho Công ty từ tháng 03/1996 đến ngày 01/08/2015 và trước đó ông làm việc tại Xí nghiệp X thị xã Sóc Trăng từ tháng 02/1988 cho đến tháng 2/1996, nhưng Công ty tính thời gian làm việc để trả trợ cấp mất việc từ tháng 03/1996 đến ngày 31/12/2008 là 13 năm (đã trừ thời gian tham gia BHXH thất nghiệp) nên còn thiếu 08 năm; Công ty áp dụng mức lương cơ sở là 1.150.000đồng (áp dụng cho cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước) để tính chi trả trợ cấp mất việc mà không áp dụng mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp là gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Nay ông Nguyễn Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty phải áp dụng mức lương tối thiểu vùng thanh toán tiền trợ cấp mất việc thời hạn làm việc 21 năm với số tiền là 189.287.280đồng (2.568.000đ x 3,51 x 21), do đã nhận trước 52.474.500đồng nay Công ty phải trả thêm 136.812.780đồng.

- Buộc Công ty phải trả cho số tiền do Công ty vi phạm thời gian báo trước là 15.615.000đồng (2.568.000đ x 3,51: 26 x 45).

Tổng số tiền ông T yêu cầu Công ty Cổ phần M thanh toán là 152.427.780đồng.

** Người đại diện cho bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày*: Công ty thừa nhận thời gian làm việc tại Xí nghiệp X thị xã Sóc Trăng và thời gian làm việc tại Công ty như ông Nguyễn Thanh T trình bày. Ông Nguyễn Thanh T chuyển về làm việc tại Công ty từ tháng 03/1996 là chuyển sau ngày 01/01/1995, không thuộc quy định tại mục a, khoản 3 Điều 14 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ (gọi Nghị định 05) nên Công ty không tính thời gian ông T làm việc tại Xí nghiệp X thị xã Sóc Trăng để trả trợ cấp mất việc (từ tháng 2/1988 đến 02/1996) là có cơ sở và đúng pháp luật.

Khi chuyển sang Công ty cổ phần thì Công ty chưa xây dựng được hệ thống thang, bảng lương riêng; theo tinh thần văn bản số 291/SLĐTBXH-LĐVL ngày 29/06/2010 Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng cho phép Công ty áp dụng hệ thống thang, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các Công ty Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ (gọi Nghị định 205) để trả cho người lao động đang làm việc trong Công ty, nên Công ty áp dụng hệ thống thang, bảng lương và chế độ phụ cấp lương theo Nghị định 205 để trả cho người lao động từ đó cho đến nay; Đồng thời, theo Công văn số 567/BHXH-PT ngày 05/07/2013 của Bảo hiểm Xã hội tỉnh Sóc Trăng hướng dẫn trích nộp và tính các chế độ cho người lao động vẫn áp dụng mức lương cơ sở. Do đó, Công ty áp dụng mức lương cơ sở 1.150.000đồng để tính trả trợ cấp mất việc cho ông Nguyễn Thanh T là có căn cứ.

Công ty không đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông T mà do thay đổi cơ cấu tổ chức, không sắp xếp được việc làm đối với ông Nguyễn Thanh T nên Công ty mới chấm dứt Hợp đồng lao động và cho ông T thôi việc theo khoản 10 điều 36 của Bộ luật Lao động, nên Công ty không vi phạm thời hạn báo trước. Công ty không đồng ý theo ông Nguyễn Thanh T yêu cầu.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 13/2016/DS-ST ngày 22/03/2016 đã quyết định như sau:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 31, điểm c khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 131, khoản 1 Điều 245, khoản 1 Điều 252 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 10 Điều 36, Điều 44, Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2012; Khoản 2 Điều 305 Bộ Luật Dân sự; Khoản 2 Điều 11, khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T. Buộc Công ty Cổ phần M phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh T tiền trợ cấp mất việc là 12.084.605đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh T về việc buộc Công ty Cổ phần M phải có nghĩa vụ trả cho ông tiền trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động là 124.728.175 đồng và số tiền lương do vi phạm thời gian báo trước là 15.615.000đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, người phải thi hành án phải chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 25/03/2016 nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ, khách quan và đúng pháp luật các hồ sơ chứng cứ có trong vụ án nên đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông về việc yêu cầu Công ty Cổ phần M phải trả đủ tiền trợ cấp mất việc, thời gian chuyển tiếp công tác và thời gian báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Thời gian, chủ thể và hình thức đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thanh T còn trong thời hạn và đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, nên được chấp nhận về hình thức.

Với nội dung vụ án như đã nêu trên và các bên đã thừa nhận thì có căn cứ xác định rằng: Thời gian ông Nguyễn Thanh T đã làm việc thực tế cho Công ty kể từ ngày 03/1996 đến ngày 01/08/2015 và trước đó ông làm việc tại Xí nghiệp X thị xã Sóc Trăng từ tháng 2/1988 đến 02/1996. Như vậy, trừ thời gian ông Nguyễn Thanh T tham gia bảo hiểm thất nghiệp thì thời gian ông Nguyễn Thanh T làm việc tổng cộng là 21 năm (tính tròn), trong đó làm việc thực tế cho Công ty là 13 năm và Xí nghiệp X thị xã Sóc Trăng là 08 năm. Theo ông Nguyễn Thanh T, Công ty tính thời gian ông hưởng trợ cấp mất việc chỉ 13 năm là thiếu 08 năm. Nay kháng cáo yêu cầu Tòa án chấp nhận khởi kiện, buộc Công ty tính thời gian ông hưởng trợ cấp mất việc là 21 năm. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định 05 "*Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoặc doanh nghiệp cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước khi chấm dứt hợp đồng lao động mà người lao động có thời gian làm việc ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước và chuyển đến làm việc tại doanh nghiệp trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nhưng chưa nhận trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp mất việc làm thì người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp mất việc làm đối với thời gian người lao động đã làm việc cho mình và chi trả trợ cấp thôi việc đối với thời gian người lao động đã làm việc cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước trước đó*", ông Nguyễn Thanh T chuyển đến làm việc tại Công ty kể từ tháng 03/1996 là sau ngày 01/01/1995 nên Công ty không đồng ý và cấp sơ thẩm không chấp nhận tính thời gian ông Nguyễn Thanh T làm việc tại Xí nghiệp X thị xã Sóc Trăng

vào thời gian ông T hưởng trợ cấp mất việc, mà chỉ chấp nhận thời gian ông T làm việc thực tế cho Công ty 13 năm là có căn cứ.

Theo yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T yêu cầu Công ty phải áp dụng mức lương tối thiểu vùng để thanh toán tiền trợ cấp mất việc và tiền do vi phạm thời hạn báo trước. Xét thấy, sau khi chuyển sang Công ty cổ phần và đi vào hoạt động, tuy Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng có văn bản số 291/SLĐTBXH-LĐVL ngày 29/06/2010 cho phép Công ty áp dụng hệ thống thang, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các Công ty Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 205 để trả cho người lao động đang làm việc trong Công ty và người lao động không phản đối; nhưng ngày 14/05/2013 Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2013/NĐ-CP về tiền lương (gọi Nghị định 49, hiệu lực ngày 01/07/2013 và Nghị định 205 hết hiệu lực từ ngày 01/07/2013), theo điểm a và b khoản 3 Điều 07 Nghị định 49 về nguyên tắc xây dựng thang lương, bảng lương "*a) Mức lương thấp nhất của công việc hoặc chức danh giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định; b) Mức lương thấp nhất của công việc hoặc chức danh đòi hỏi lao động qua đào tạo, học nghề (kể cả lao động do doanh nghiệp tự dạy nghề) phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định;*" và theo quy định tại điểm a và đ khoản 2 Điều 10 Nghị định 49 trách nhiệm thực hiện việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao đông "*a) Doanh nghiệp tổ chức xây dựng hoặc rà soát sửa đổi bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động và gửi cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp huyện nơi đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp để theo dõi, kiểm tra theo quy định tại Nghị định này. ...; đ) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn ..., công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu hiện đang xếp lương theo thang lương, bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ thực hiện việc xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương theo quy định tại Nghị định này...*", đồng thời theo hướng dẫn tại khoản 7 Điều 18 Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội "*Công ty có cổ phần, vốn góp của nhà nước đang vận dụng xếp lương theo thang lương, bảng lương do Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 thì người đại diện vốn nhà nước tham gia quyết định hoặc đề xuất với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động theo phương pháp quy định tại Thông tư này hoặc theo các phương pháp khác bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 7, Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ.*". Do đó, sau ngày 01/07/2013 Công ty phải có trách nhiệm tổ chức xây dựng hoặc rà soát sửa đổi bổ sung thang lương, bảng lương và định mức lao động theo nguyên tắc quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định 49, nhưng Công ty vẫn áp dụng dụng hệ thống thang, bảng lương, chế độ phụ cấp lương ban hành kèm theo Nghị định số 205 (hết hiệu lực từ ngày 01/07/2013) và áp dụng mức lương cơ sở để trả trả lương cho người lao động động là không đúng pháp luật.

Mặt khác, trên thực tế ngày 5/01/2015 Công ty có Thông báo số 01/TB-TCHC.2015 V/v thực hiện mức lương tối thiểu vùng, theo đó sẽ áp dụng mức lương tối thiểu vùng (theo Nghị định 103/2014/NĐ-CP ngày 11/11/2014) trả lương cho người lao động, lao đông chưa qua đào tạo làm công việc giản đơn 2.400.000đ/tháng, lao động đã

qua học nghề 2.568.000đ (2.400.000dd x 7%) và Công ty cũng thừa nhận đã trả trợ cấp thôi việc cho nhiều người lao động theo mức lương tối thiểu vùng. Cụ thể thông báo, tháng 06/2015 trả trợ cấp thôi việc cho ông Nguyễn Văn Thương (nghỉ việc ngày 25/05/2015). Nhưng đến ngày 05/08/2015 Công ty ra Giấy trợ cấp mất việc cho ông Nguyễn Thanh T, căn cứ Bộ luật lao động năm 2012 và Nghị định số 05 mà lại áp dụng mức lương cơ sở (áp dụng cho Công chức, viên chức) để trả trợ cấp mất việc ông Nguyễn Thanh T là trái với quy định tại Điều 21, khoản 1 Điều 38 Nghị định 05 và khoản 3 Điều 7 Nghị định 49, gây thiệt thòi đến quyền lợi chính đáng của ông Nguyễn Thanh T và không đảm bảo tính công bằng.

Đối với yêu cầu và kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu Công ty trả số tiền 15.615.000đồng do vi phạm thời gian báo trước. Xét thấy, do Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động và Công ty không thể giải quyết được việc làm mới mà phải cho ông Nguyễn Thanh T thôi việc theo quy định tại Điều 44 Bộ luật lao động và Điều 13 Nghị định 05, chứ không thuộc trường hợp Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 38 Bộ luật lao động nên Công ty không vi phạm thời hạn báo trước.

Từ những phân tích nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định 103/2014/NĐ-CP ngày 11/11/2014 của Chính phủ để tính trợ cấp mất việc, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T về yêu cầu Công ty tính thời gian làm việc tại Xí nghiệp X thị xã Sóc Trăng từ tháng 2/1988 đến 02/1996 để tính thời gian trả trợ cấp mất việc và trả tiền do vi phạm thời gian báo trước.

Hội đồng xét xử, cần buộc Công ty có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc cho ông Nguyễn Thanh T theo cách tính như sau: Ông Nguyễn Thanh T là người lao động đã qua học nghề nên áp dụng mức lương tối thiểu vùng 2.568.000đ (2.400.000dd x 7%), tổng số tiền trợ cấp mất việc Công ty phải chi trả cho ông T 117.177.840đ (2.568.000đ x 3,51 x 13), do đã nhận trước 52.474.500 đồng nay Công ty phải trả thêm 64.703.340đ là có căn cứ và đúng pháp luật. Theo Giấy xác nhận ngày 29/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng xác nhận Công ty đã thi hành số tiền 12.084.605đ và ông T đã nhận nên được khấu trừ. Như vậy, Công ty tiếp tục trả cho ông T số tiền 52.618.735đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viên kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T và áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên các đương sự không chịu án phí phúc thẩm; án phí sơ thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp theo luật định theo hướng ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí sơ thẩm, Công ty phải chịu án phí sơ thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313, Điều 147 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T. Sửa bản án lao động sơ thẩm số 13/2016/LĐ-ST ngày 22/03/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T. Buộc Công ty Cổ phần M trả thêm cho ông Nguyễn Thanh T số tiền trợ cấp mất việc là 52.618.735đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Thanh T có đơn yêu cầu Thi hành án thì Công ty Cổ phần M phải thực hiện nghĩa vụ trả đủ số tiền trợ cấp mất việc là 52.618.735đ cho ông Nguyễn Thanh T theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Nếu Công ty Cổ phần M không thực hiện thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần M tính trả trợ cấp mất việc cả thời gian ông làm việc tại Xí nghiệp X thị xã Sóc Trăng (là 08 năm) và về việc buộc Công ty Cổ phần M có nghĩa vụ trả tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước là 15.615.000đ.

- Án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần M phải chịu 1.579.000đ.

2/. Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Sóc Trăng;*
- *TAND Thành phố Sóc Trăng;*
- *Chi cục THALĐ Tp. Sóc Trăng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS (TLĐ).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Rết